TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KT TỈNH KT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/~~2024/~~HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT, TỈNH KT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phúc;
2/ Ông Nguyễn văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kt.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân thành phố Kt tham gia phiên toà*: Bà Y Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kt, tỉnh Kt xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Y L, sinh năm 1984 (Có mặt).
Địa chỉ: Làng Rl, xã Rl, huyện St, tỉnh Kt.
- *Bị đơn:* Anh A T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Ps, xã Ic, thành phố Kt, tỉnh Kt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y L trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y L tự nguyện kết hôn với anh A T và đã được Uỷ ban nhân dân xã Rl, huyện St, tỉnh Kt cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/01/2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm tr nhất là vào năm 2022, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân là do anh A T thường xuyên uống rượu say, về nhà chửi bới, đánh đập chị Y L và con gái, đập phá đồ đạc trong gia đình. Anh A T còn đe dọa tính mạng chị Y L, không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Tháng 9/2022 anh A T bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Ps, xã IaChim, thành phố Kt sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị Y L không

còn tình cảm yêu thương anh A T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Y L1, sinh ngày 30/9/2012 và A Tr, sinh ngày 02/11/2015. Chị Y L có nguyện vọng nuôi 02 con chung.

- *Cấp dưỡng nuôi con*: Chị Y L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến bị đơn anh A T*: Tại các Biên làm việc ngày 15/4/2024 và ngày 23/01/2024, anh A T đồng ý ly hôn chị Y L; anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi 01 con chung, nhưng không nêu cụ thể được nuôi cháu nào.

**** Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát***:

- *Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật*: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt: HĐXX), Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS), đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt anh A T là đúng luật.

- *Về nội dung*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Y L và anh A T là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người đã kéo dài, ngày càng trầm tr; anh A T cũng đồng ý ly hôn chị Y L, nên yêu cầu ly hôn của chị Y L đối với anh A T là có cơ sở; 02 con chung có nguyện vọng được ở với chị Y L. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Y L được ly hôn với anh A T; giao 02 con chung cho chị Y L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn anh A T có nơi cư trú tại thôn PleiSar, xã Ic, thành phố Kt. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"ly hôn, tranh chấp nuôi con"*. Việc Tòa án nhân dân thành phố Kt thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh A T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bao gồm cả giáy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

*** Về nội dung**:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*. Quan hệ hôn nhân giữa chị Y L với anh A T là hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì giữa chị Y L và anh A T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị Y L, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không

hợp, anh A T không chăm lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập, đe dọa tính mạng chị Y L và con gái, đập phá đồ đạc trong nhà. Từ tháng 9/2022 anh A T bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Ps, xã IaChim, thành phố Kt sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai người không còn quan tâm nhau. Tại phiên tòa chị Y L khẳng định không còn tình cảm thương yêu anh A T, chị tha thiết cho chị được ly hôn anh T, để chị ổn định cuộc sống nuôi dạy con chung.

Nội dung mâu thuẫn vợ chồng theo lời khai của chị Y L nêu trên cũng phù hợp với ý kiến của bà Y Liết tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2024, như sau: *"Sau khi kết hôn, chị Y L và anh A T ở cùng với bà Y Liết tại làng Rl, xã Rl, huyện St, tỉnh Kt. Chị Y L và anh A T sống với nhau đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A T thường xuyên uống rượu, say xỉn, không đi làm, không có tiền nuôi gia đình. Anh A T còn đánh đập, chửi bới chị Y L và các con. Bà Y Liết đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A T không nghe, vẫn chứng nào tật nấy. Tháng 9/2022, anh A T tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn Ps, xã Ic, thành phố Kt từ đó đến nay. Anh A T không qua lại thăm con, cũng không đưa tiền nuôi con"*.

Tại các Biên bản làm việc ngày 23/01/2024 và ngày 15/4/2024, anh A T đồng ý ly hôn chị Y L.

Trên cơ sở lời khai của chị Y Lơi, ý kiến bà Y Liết và lời khai của anh A T đồng ý ly hôn chị Y L. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y L và anh A T đã thực sự trầm tr, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị Y L với anh A T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Chị Y L và anh A T có 02 con chung là Y L1, sinh ngày 30/9/2012 và A Tr, sinh ngày 02/11/2015. Chị Y L có nguyện vọng nuôi 02 con. 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị Y L. Xét nguyện vọng của hai cháu; và trong thời gian chị Y L và anh A T sống ly thân, chị Y L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung; để các cháu có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt về tình thần thể chất, nên giao 02 cháu cho chị Y L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Cấp dưỡng nuôi con: Chị Y L không yêu cầu anh A T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Y L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* đề ngày 02/01/2024 của chị Y L đối với anh A T.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y L được ly hôn anh A T.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung là Y L1, sinh ngày 30/9/2012 và A Tr, sinh ngày 02/11/2015 cho chị Y L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh A T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số 0000669 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kt. Chị Y L đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/6/2024), nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND xã Rl, St, Kt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Hoài